

CÁC CƯ DÂN MÔN – KHMER Ở VIỆT NAM VÀ ĐÔNG NAM Á

Đó là chủ đề của hội thảo khoa học do Trung tâm Nghiên cứu Châu Á - Thái Bình Dương (Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN) tổ chức ngày 28/8/2008. Đại diện lãnh đạo ĐHQGHN, Trường ĐHKHXH&NV cùng đồng đạo các nhà khoa học nghiên cứu về địa lý, nhân học, văn hóa, ngôn ngữ, dân tộc học trong và ngoài nước đã tham dự hội thảo.



GS. Lương Ninh >>



TS. Vatthana Pholsena >>



Toàn cảnh Hội thảo Khoa học: Các cư dân Môn - Khmer ở Việt Nam và Đông Nam Á >>

Ngôn ngữ & Văn hóa

Đề cập đến vấn đề nguồn gốc xuất hiện và quá trình phát triển của các cư dân Môn Khmer sinh sống trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, Nhà nghiên cứu, GS. Lương Ninh đã trình bày tham luận mang tên “Người Việt, tộc Việt và tiếng Việt”. Tham luận đã tập trung đưa ra những dẫn chứng, kiến giải để từ đó nhấn mạnh vào luận điểm cho rằng tộc người Việt và tiếng Việt được phát triển trên cơ sở của một lớp cư dân nói tiếng Môn cổ sinh sống ở khu vực Đồng bằng sông Hồng và Bắc Việt Nam từ thời văn hoá Hoà Bình. Trao đổi, thảo luận về vấn đề này, TS. Tạ Đức Thảo và một số nhà khoa học khác lưu ý rằng đây là một giả thiết khoa học phức tạp và cần được làm sáng tỏ hơn nữa cả về mặt lí luận cũng như tư liệu. Vấn đề mấu chốt mà các nhà khoa học tập trung tranh luận đó là có hay không mối liên hệ về mặt nhân chủng, văn hoá khảo cổ và ngôn ngữ với một tộc

người nhất định và sự phát triển liên tục của chúng trong quá trình hình thành tộc người hiện đại.

Vẫn cùng trong chủ đề này, nhưng xuất phát từ cơ sở ngôn ngữ học, GS.TS Trần Trí Dõi đã trình bày trước diễn đàn “Về mối quan hệ giữa ngôn ngữ Nam Á và Nam Đảo” Nhà nghiên cứu này đã đưa ra một luận điểm mới cho rằng hai ngôn ngữ Nam Á và Nam Đảo không hề có mối liên quan mật thiết, thân thuộc mà đơn thuần chỉ là các quan hệ vay mượn và không theo một hệ thống nhất định. Cơ sở của luận điểm này được phân tích từ các cứ liệu so sánh ngôn ngữ học lịch sử. Nếu lên ý kiến phản biện, các nhà khoa học tại diễn đàn cho rằng cứ liệu để phát triển luận điểm nêu trên chủ yếu mới chỉ dựa vào hai nhóm từ chỉ đất đá và tự nhiên và cần phải thu thập thêm cứ liệu từ các nhóm loại từ khác để so sánh để đảm bảo tính khách quan và thuyết phục. Một số tham luận khác như của GS. Nguyễn

Văn Lợi và ông Đỗ Quang Sơn về ngôn ngữ của người Mảng và người Kháng được đánh giá là khá công phu và có ý nghĩa tích cực trong việc tìm hiểu vai trò của các ngôn ngữ nói trên trong hệ thống các ngôn ngữ Môn Khmer ở Việt Nam và Đông Nam Á.

Văn hóa và Phát triển

Các bản tham luận về chủ đề văn hoá xã hội và sự phát triển của cộng đồng cư dân Môn Khmer cũng đã tạo được không khí tranh biện rất cởi mở và thẳng thắn từ phía các nhà khoa học. Với bài diễn thuyết của mình, TS. Vatthana Pholsena đến từ Trường ĐH Lion (Pháp) đã thu hút sự chú ý của các đại biểu khi tập trung phân tích những năng động dân số học xuyên biên giới của các nhóm tộc người Bru-Vân Kiều, Ma Cong, Tĩ và Pakoh ở khu vực Sepon (Lào) và Quảng Trị (Việt Nam). Giải thích về tình hình trao đổi và dịch chuyển xuyên biên giới của các nhóm cư dân này, tác giả



cho rằng ngoài yếu tố lịch sử, quan hệ tộc người và chính sách dân tộc ở hai quốc gia là những nhân tố tham gia trực tiếp vào dòng chảy của dân cư thuộc cùng một tộc người ở hai bên đường biên giới...

Cũng trong dịp này, PGS.TS Hoàng Lương đã trình bày phát hiện mới của ông về mối quan hệ giữa hai tộc người là Thái đen và Khmú ở vùng Tây Bắc Việt Nam. Trên cơ sở phân tích các bản phả hệ kết hợp với tư liệu từ các nguồn sử thi của người Thái đen Tây Bắc, ông cho rằng thực ra hai nhóm này đã có quan hệ hỗn huyết thông qua hôn nhân từ xa xưa trong lịch sử. Việc quý tộc Thái sau này nhìn nhận người Khmu và các nhóm Môn Khmer khác với thân phận thấp hơn mình có lẽ xuất phát từ tư tưởng tự tôn vinh thường thấy ở tầng lớp thống trị. Đặc biệt tại hội thảo lần này, PGS.TS Nguyễn Văn Chính đã mang đến một phân tích mới về tác động của chính sách định canh định cư đối với người Khmu ở vùng núi Bắc Việt Nam. Báo cáo được phát triển từ một nghiên cứu của ông trong ba năm qua ở 5 làng Khmu thuộc hai tỉnh Điện Biên và Nghệ An, kết hợp với các quan sát

dân tộc học tại các cộng đồng Khmu ở Thái Lan, Lào và Meng La (Vân Nam - Trung Quốc). Phản bác lại luận điểm của các học giả nước ngoài như C. Keyes và O. Salemink cho rằng chính sách định canh, định cư của nhà nước Việt Nam chỉ là một hình thức đồng hoá tộc người, ông cho rằng các chương trình phát triển của nhà nước ở miền núi thường có tính nhân văn cao là nhằm cải thiện điều kiện sống của các cộng đồng cư dân có nền kinh tế tự cấp và chưa hội nhập. Tuy nhiên, có những tác động không mong muốn nảy sinh trong quá trình thực hiện do cách nhìn nhận phiến diện một chiều. Việc tập trung vào chiến lược phát triển cây lúa nước ở vùng núi trong những tộc người chỉ có kinh nghiệm sống với rừng và kinh tế nương rẫy cần phải được nhìn nhận thấu đáo hơn vì bên cạnh việc phải đầu tư lớn về vốn và nhân lực, nó đã bỏ qua việc phát huy nội lực của tộc người cũng như các kiến thức bản địa của họ được tích lũy từ hàng ngàn năm qua. Trong khi đó, thích ứng với một hình thái kinh tế - kỹ thuật mới không phải là việc dễ dàng với những tộc người nhỏ quen sống biệt lập.



Các ý kiến phản hồi từ người tham dự cho rằng nghiên cứu sẽ toàn diện hơn nếu phát triển các công cụ phân tích để tìm kiếm các giải pháp thực tiễn cho chương trình phát triển ở các tộc người có truyền thống du canh ở vùng núi Việt Nam.

>> TRƯƠNG MINH